

A. CẤU TRÚC ĐỀ

I. Phần Đọc - hiểu: 6 điểm

- Các văn bản/đoạn trích *thơ* và *văn bản thông tin*.
- Gồm 7 câu hỏi tự luận:
 - + 02 câu *tự luận nhận biết* (2.0đ), mỗi câu 1.0đ
 - + 03 câu *tự luận thông hiểu* (2.5đ)
 - 02 câu: 0.75đ/câu
 - 01 câu: 1.0đ/câu
 - + 01 câu *tự luận vận dụng* (1.0đ)
 - + 01 câu *tự luận vận dụng cao* (0.5đ)

II. Phần Viết: 4 điểm

- Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.
- Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (*đoạn trích/ tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng*)

B. CÁC CẤP ĐỘ KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG

I. HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU

1. Thơ

Nhận biết:

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.
- Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.
- Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.
- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.

Thông hiểu:

- Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, hình thức bài thơ.
- Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).
- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.
- Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.
- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.

Vận dụng cao:

- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, hình thức bài thơ.
- Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.
- So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.
- Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.

2. Văn bản thông tin.

Nhận biết:

- Nhận biết được chi tiết, đề tài của văn bản.
- Nhận biết được thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản.
- Nhận biết được bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.

Thông hiểu:

- Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.
- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.
- Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.
- Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.

Vận dụng:

Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.

Vận dụng cao:

Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản.

II. HƯỚNG DẪN VIẾT

1. VĂN BẢN THUYẾT MINH: về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

Mở bài:

- Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh.
- Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó.

Thân bài:

- Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí. Tùy thuộc vào định hướng cung cấp thông tin của người viết. Một số câu hỏi có thể đặt ra để xác định hệ thống ý cho bài viết:
 - + Sự vật, hiện tượng được đề cập là gì?
 - + Có thể cung cấp thông tin về sự vật, hiện tượng được thuyết minh theo trình tự nào? (*trình tự không gian, cấu trúc nguyên nhân - hệ quả - giải pháp, theo diễn biến thời gian của đối tượng...*)
 - + Việc nhận thức đầy đủ về sự vật, hiện tượng được thuyết minh có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta?
- Cần xác định yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận nào có thể đưa vào vị trí thích hợp để làm tăng hiệu quả biểu đạt và sức hấp dẫn của bài viết.
 - + Yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự có thể lồng ghép khi trình bày bản chất của sự vật, hiện tượng.

+ Yếu tố nghị luận có thể lồng ghép khi trình bày ý nghĩa của việc thuyết minh về sự vật, hiện tượng.
Lưu ý: Việc lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được đề cập trong bài viết.

Kết bài: Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập; gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối...

*** Gợi ý:**

- Thuyết minh về các danh thắng cảnh của thành phố Đà Nẵng (*Bán đảo Sơn Trà; Ngũ Hành Sơn; Bà Nà; Bãi biển Mỹ Khê;...*)
- Thuyết minh về các hiện tượng tự nhiên (*Băng tan; Nóng lên của Trái đất; Ô nhiễm không khí; Nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long;...*)

2. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN: về một tác phẩm nghệ thuật.

Mở bài

- Nêu các thông tin cơ bản về tác phẩm (*tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, sự đón nhận của công chúng...*)

Thân bài

- Nhìn nhận khái quát về tác phẩm (*tóm tắt tác phẩm....*)
- Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm với lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ.
- Nêu những điều mà người xem, người nghe cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú đối với tác phẩm.
- Nêu các nhận xét của người viết về thành công chính và những hạn chế của tác phẩm

Kết bài:

Đánh giá chung về tác phẩm (*giá trị thời sự, hiệu quả tác động đến người xem, dư luận xã hội về tác phẩm*)

C. ĐỀ THAM KHẢO

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ TỔ NGỮ VĂN ĐỀ THAM KHẢO (Đề có 2 trang)	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II - LỚP 11 MÔN: NGỮ VĂN NĂM HỌC: 2023 – 2024 Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)
--	---

Họ và tên học sinh:.....

Mã số học sinh:.....

ĐỀ 1:

Phần đọc – hiểu (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích thơ sau:

*Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm.
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn.
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,*

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(Trích **Vội vàng**, theo Thơ thơ – Xuân Diệu*, NXB
Đời nay, Hà Nội, 1938)

Thực hiện các yêu cầu:

- Câu 1.** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên
- Câu 2.** Tìm các từ ngữ và hình ảnh gợi vẻ đẹp của sự sống trong đoạn trích
- Câu 3.** Ý nghĩa biểu đạt của các động từ: *riết, say, thâu, cắn* và các tính từ – từ láy *mon morn, chếnh choáng, đã đầy, no nê* là gì?
- Câu 4.** điệp ngữ *ta muốn* lặp đi lặp lại nhiều lần có tác dụng gì?
- Câu 5.** Xác định và nêu tác dụng nhịp điệu của đoạn thơ.
- Câu 6.** Đoạn thơ có đề cập đến tình yêu, theo anh/chị, ở đây là tình yêu đối với điều gì? Nêu suy nghĩ của anh/ chị về tình yêu ấy.
- Câu 7.** Vì sao tác giả lại viết *xuân hồng* mà không phải *xuân xanh* (như Nguyễn Bính) hay *xuân chín* (như Hàn Mặc Tử)?

Phần viết: (4.0 điểm)

Viết văn bản nghị luận (khoảng 500 chữ) về vẻ đẹp của đoạn thơ ở phần đọc hiểu.

Chú thích:

Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu (2 tháng 2 năm 1916 — 18 tháng 12 năm 1985), quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại quê mẹ Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là nhà thơ, nhà báo, nhà văn viết truyện ngắn, nhà phê bình văn học và chính khách người Việt Nam. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới đầu thế kỷ XX. Được đánh giá là "*nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*", "*Ông hoàng thơ tình*". Xuân Diệu nổi tiếng với tập *Thơ thơ* (1938), thể hiện một tiếng nói riêng biệt chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa tượng trưng Pháp.

ĐỀ 2:

I. Phần đọc – hiểu (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

1.

Trên thế gian này, là con người, đâu chẳng yêu hoa!

Nhưng Tết tới thì người Việt Nam mình cái sự yêu, chơi hoa nơi ngựa xe như nước áo quần như nêm, bao giờ chả rộn ràng hơn.

Hà Nội của tôi những năm xa lắc ấy, nếp chơi hoa đào và quất, vẫn để hai loài cây thả sức mà tung tăng đi đến từng nhà. Nhưng cũng tùy cảnh, tùy người, chọn cho mỗi ai, mỗi gian phòng vui Tết,

thường hoa, đào to đào nhỏ, đào cắm hay đào cây, Hà Nội Tết Hoa vốn dĩ tùy cảnh tùy người?!

Nhà tôi cả thấy bốn lần chuyển nhà trên phố phường; bốn lần là bốn chỉ số phòng khách và phòng ăn hay phòng làm việc khác nhau, để rồi Tết ấy, xuân ấy, định kì đến hẹn, cha tôi tha thân ở chợ hoa mà im lặng chọn ra cho mình một dáng, vừa vặn nơi ông dùng hoa làm duyên cho xuân, vui Tết. Có năm hoa đào vươn ra, hai vòng ôm không xuể; đào cắm mà rục rờ no mắt cả nhà. Lâu quá rồi! Còn lại, hơn ba chục năm trên gác xép của ông chỉ là một cành đào khiêm tốn tới có thể. Sự tàn lụi của thời gian, có thể hẹp đi về kích cỡ, nhưng không thu hẹp tấm lòng hoa với người và, người với hoa. Chắc thế nên hôm nào, tôi cứ khoe mãi câu thơ mô côi của Nguyễn Duy trước một cành đào thắm nhỏ cao vừa đúng bốn năm gang góc xép của ông: Hạnh phúc lớn vòng tay ôm không xuể. Tết mà! Lại năm ấy là đào mua ở hoa rong. Năm nay rét thế, mấy kẻ chợ bán hoa rong còn không? Có bán hoa được không?

Cha tôi thích tất cả các loài đào. Đào thắm ông thường dùng năm lẻ, khi mà ai nam giới sinh ở năm lẻ, đều bị hợp sao tinh chiếu vào làm âm (âm nam). Ông ví như xuân thêm lửa, xua cái khí lạnh, giữ xuân ấy thêm ấm thêm nồng. Nhưng có lẽ ông yêu nhất, thứ đào phai. Tâm hồn hoa sĩ của ông rung động nhiều hơn khi rước hoa từ chợ về. Đốt gốc, mang cái cát-tút 105 li, mua ở chợ trời Hà-le rồi bảo tôi đánh sạch: tự ông cẩn thận chèn cành đào đứng thẳng giữa ống đồng sáng chói. Xuân đầy nụ, chớm hoa khoe cái màu hồng tương phai mà chưa khi nào phai trước thời gian! ngắm đi con! Những giọt hoa đọng lại, lấp lánh cơn mưa ông phun bằng cái máy xịt tay vẫn dùng xịt nước hành bảo quản tranh Sơn dầu.

Đào phai loại cánh kép, phon phớt trước Tết rồi qua Tết, sang xuân mỗi bông tàn, chậm chậm nhả buồng từng lớp cánh, dần dần rụng xuống sàn đá lạnh. Và, một hôm bất chợt hé hé cái mầm quả xanh, để theo sau Tết, hình thành một trái Đào. Đào phai, từng bông nở chậm, khoe sắc ấm nồng cũng chậm chậm từng lớp, phai dần ở lớp cánh đầu tiên, chứ không nở bừng ra màu đỏ thắm khoảnh nhà, để mà tàn, úa rụng chóc lát, tan nát cả xuống đất một lần. Sự sống của hoa đào phai cánh kép, làm ông gật gù bảo, cái kiếp một bông hoa, một loài cây, dâng hiến cho đời từng lớp, từng lớp, cả mầm lẫn cánh... để cuối cùng hiện ra mầm sống mới, tựa hệt như vòng luân hồi của kiếp con người.

2.

Trước Tết vài ngày, mẹ tôi cũng chọn chợ Đồng Xuân để sắm hàng Tết. Rồi tới cận ba mươi mới ra đầu chợ Hôm mà mua hoa cúng. Người chủ gia đình đàn ông đàn anh, sắm đào thì thôi quá. Người mẹ của chúng tôi lo hoa cho bàn thờ tổ tông. Bà chọn từng cành Huệ rất cẩn thận. Những búp hoa trắng muốt thoang thoang hương thanh bạch, e ấp dấu mình trong kẽ xanh chỉ đợi hơi hương khói là nhao ra trắng muôn muốt.

Bắt đầu từ chiều ba mươi tới tận hôm hoá vàng, những bông huệ cứ âm thầm nhuộm một thứ hương như vậy loang quanh bàn thờ. Có thay hoa mới cho lọ lục bình cổ, với các đường gốm ngọc rạn nứt, thì vẫn là những cành huệ, tươi mơn mớn, xanh như trước Tết, để khi nào cũng tinh khiết độc một loài hương. Thay vì lòng thành với tổ tiên đa dạng nữa, bên kia là những đoá hồng vàng hay thắm đỏ. Hoa cúng chọn cẩn trọng. Không cần to lắm, nhưng phải đều đặn công phu.

Mẹ tôi chưa khi nào quên đĩa hoa cho chùa Hai Bà hay chùa Vua gần đó. Thường là tháng ba mới rộ ngâu. Nhưng muốn tìm vẫn có. Những cành ngâu nhỏ, hoa vàng bé xíu, chín thoang thoang, đặt bên những bông hồng cũng nhỏ, cẩn thận xếp bày lên đĩa “cho hộ vào chiếc làn để mợ sớm mai mồng một ra chùa”. Bông hồng thì nở, bông nhài thì thơm, hoa đại định hình từ lúc mới ra bé xíu, móng rồng

cũng vậy, cho tới sỏi, ngâu, mộc không nhìn rõ trong lớp lá, phải tựa vào hương mới biết là hoa, đều gọi chung là chín. Ngâu vừa chín con ời. Cha tôi bảo.

3.

Thường là ở phòng khách bao giờ cũng có lọ hoa lớn. Cha tôi rất thường đặt tại đó một bình violet. Màu tím ngắt lốm đốm trong sắc xanh nhọn chưa chứa vươn lên từ cái bình gốm màu không chỉ ấm lòng bề bạn, không chỉ cho khách xuân thực sự nào xuân. Cũng phải chọn đúng màu bình. Đừng lạnh mà cũng không nóng quá, vì cái thứ pha màu giữa nơi đặt nó đứng đấy cũng nghiêm cần làm sao. Đôi năm ông chơi cúc. Những đoá cúc đại đoá thường trầm tĩnh đứng trong phòng tranh. Đại đoá mua tới hơn vài chục bông, phải hướng cho từng đoá không chen nhau san sát để từng bông khoe hết vẻ đẹp riêng mình. Chơi cúc lâu tàn. Nó giữ xuân ở lại miên man sau Tết, để Tết lặn vào những bức tranh khi hết ngày rong chơi.

Anh tôi thì lại khác. Anh cứ thích giữa bàn nhà, phòng chính một bình hoa nhiều loại. Dăm bông Đồng tiền. Vài cành đu đủ nở hoa, đủ màu Thược dược. Giữa dăm loài hoa “quần chúng” ấy, dân dã ấy, anh tôi vẫn dành lại, vượt lên là dăm cành vi-ô-lét, chắc là trọng cái nét yêu hoa của cha tôi. Để ông và tôi cứ tưng tưng cười với nhau, và tôi khi nhớ ra ngày Tết vẫn cười đến tận giờ.

Vâng khi năm nay, bạn ời - Hà Nội Hoa, tôi không về hương Tết, hoa Tết và ngoài kia tuyết gió hai tuần gào rú thổi...

Nước Đức, giáp Tết Mậu Tý (Hà Nội hoa - Nguyễn Văn Thọ, in trong 36 tạp văn, tùy bút Hà Nội, Quốc Văn (Tuyển chọn), NXB Thanh niên, 2010, tr.248 đến 252.)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Văn bản Hà Nội hoa được viết theo thể loại nào?

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 3: Viết Hà Nội hoa, tác giả đã cho ta thấy thú chơi nào của người Hà Nội trong dịp Tết?

Câu 4: Tác giả đã thể hiện tình cảm gì với thú chơi ngày Tết của người Hà Nội?

Câu 5: Phần 3 của văn bản, sự khác nhau trong cách chơi hoa của hai cha con đã thể hiện điều gì trong văn hoá chơi hoa của các thế hệ?

Câu 6: Cách chọn hoa cúng Tết của người mẹ cho ta thấy điều gì trong văn hóa tâm linh của người Việt?

Câu 7: Theo em, thú chơi hoa Tết có tồn tại ở địa phương của em không? Em cảm nhận như thế nào về thú chơi này?

II. Phần viết (4.0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) thuyết minh về một danh lam thắng cảnh ở thành phố Đà Nẵng (*Bán đảo Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Bà Nà, Bãi biển Mỹ Khê, ...*)

Hoặc:

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên (*Băng tan, Nóng lên của Trái đất, Ô nhiễm không khí, Nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long, ...*)